

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 22 - 7 - 2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoán - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2022/TLST- HNGĐ ngày 31/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị H;

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Lò Văn Đ;

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ đăng ký kết hôn từ ngày 07/9/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lò Văn Đ không tu chí làm ăn, sử dụng trái phép chất ma túy, không quan tâm đến vợ con; chị Lò Thị H và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Lò Văn Đ không thay đổi. Mâu thuẫn gia đình

kéo dài, ngày càng trầm trọng, chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị Lò Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ có 02 con chung là cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019.

Chị Lò Thị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không yêu cầu anh Lò Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị H cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai ngày 01/4/2022 bị đơn anh Lò Văn Đ trình bày:

Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị H đăng ký kết hôn từ ngày 07/9/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì anh Lò Văn Đ đi điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Anh Lò Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh Lò Văn Đ không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ có 02 con chung là cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019.

Anh Lò Văn Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn Đ khai có đứng tên vay 20 triệu đồng của dự án nước sạch thay bố mẹ anh Lò Văn Đ.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2022 bị đơn anh Lò Văn Đ trình bày:

Anh Lò Văn Đ và chị Lò Thị H đăng ký kết hôn từ ngày 07/9/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh Lò Văn Đ đi điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Đến nay anh Lò Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Lò Văn Đ nhất trí ly hôn với chị Lò Thị H.

Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ có 02 con chung là cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019.

Anh Lò Văn Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và giao cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn Đ không yêu cầu chị Lò Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn Đ cam đoan không có nợ chung.

Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lò Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn Đ. Về con chung: Chị Lò Thị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019 và giao cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản riêng: Không có. Về nợ chung: Cam đoan không có.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lò Văn Đ có ý kiến: Về tình cảm: nhất trí ly hôn với chị Lò Thị H. Về con chung: Anh Lò Văn Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và giao cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản riêng: Không có. Về nợ chung: Cam đoan không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 209; Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn Đ; Về con chung: Giao cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản riêng: Không có; Về nợ chung: Không có nợ chung.

Về án phí: Buộc chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Đ có địa chỉ tại bản N, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị H, bị đơn anh Lò Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ đăng ký kết hôn từ ngày 07/9/2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Lò Văn Đ không tu chí làm ăn, sử dụng trái phép chất ma túy, không quan tâm đến vợ con; chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ đã sống ly thân từ năm 2019, không còn quan tâm đến nhau. Chị Lò Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Lò Thị H đề nghị được ly hôn anh Lò Văn Đ. Anh Lò Văn Đ nhất trí ly hôn với chị Lò Thị H.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ, bản tự khai cho thấy cuộc sống chung vợ chồng Lò Thị H và anh Lò Văn Đ không hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng Lò Thị H và anh Lò Văn Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Lò Thị H và xử cho Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ có 02 con chung là cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ đều có ý kiến: Giao cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Trên cơ sở xem xét ý kiến của chị Lò Thị H, anh Lò Văn Đ, cần giao cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

[1] Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn Đ.

[2] Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ có 02 con chung là cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019.

Giao cháu Lò Mỹ D, sinh ngày 10/7/2016 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lò Tú A, sinh ngày 19/9/2019 cho chị Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0000898, ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H, anh Lò Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hà